

Số: 05 /KL-TTr

Đắk Tô, ngày 29 tháng 12 năm 2021

### KẾT LUẬN

**Thanh tra thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công trong các năm 2018, 2019 và 2020 tại trường Mầm non Đắk Trăm**

Thực hiện Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 14/10/2021 của Chánh Thanh tra huyện Đắk Tô về việc thanh tra tại Trường Mầm non Đắk Trăm; từ ngày 26/10/2021 đến ngày 27/11/2021, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Mầm non Đắk Trăm.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 24/12/2021 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra huyện Đắk Tô kết luận như sau:

**I. Đặc điểm tình hình:** Trường MN Đắk Trăm được thành lập từ năm 2001 theo Quyết định số 464/2001/QĐ-UB ngày 28/9/2001 của UBND huyện Đắk Tô được đặt tên là trường Mầm non xã Văn Lem. Đến ngày 06/9/2005 Trường Mầm non xã Văn Lem được đổi tên thành trường Mầm non Đắk Trăm theo Quyết định số 481/2005/QĐ-UBND ngày 06/9/2005. Đến tháng 8/2020, sáp nhập với Trường Mầm non xã Đắk Trăm theo Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 12/8/2020. Tổng số viên chức, nhân viên và người lao động gồm có 39 người, trong đó: Ban giám hiệu gồm có: 04 người, giáo viên trực tiếp giảng dạy gồm có: 33 người, nhân viên: 02 người. Tổng số học sinh gồm có: 512 em; người dân tộc gồm có: 486 em, trong đó Nữ dân tộc gồm có: 252 em. Được sự quan tâm của các cấp, ngành và chính quyền địa phương, trong những năm qua nhà trường đã được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và được hỗ trợ đầy đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

### II. Kết quả kiểm tra, xác minh:

**1. Kinh nguồn ngân sách nhà nước cấp phục vụ công tác chi thường xuyên và cải cách tiền lương các năm 2018, 2019 và 2020:**

#### 1.1. Thực hiện tại đơn vị:

- Năm 2018: Nguồn kinh phí nhà nước cấp: 2.282.030.000 đồng. Thực hiện: 2.282.030.000 đồng, trong đó: Chi nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13): 2.021.639.000 đồng; Chi nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14): 260.391.000 đồng.

- Năm 2019: Nguồn kinh phí nhà nước cấp: 2.624.620.000 đồng. Thực hiện: 2.624.620.000 đồng, trong đó: Chi nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13): 2.277.921.000 đồng; Chi nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14): 346.699.000 đồng.

- Năm 2020: Nguồn kinh phí nhà nước cấp: 4.144.508.952 đồng. Thực hiện: 4.144.508.952 đồng, trong đó: Chi nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13): 3.526.009.296 đồng (kinh phí chi thường xuyên cấp từ đầu năm: 3.470.335.598





đồng; từ năm 2019 chuyển qua: 55.673.698 đồng); Chi nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14): 618.499.656 đồng (kinh phí chi thường xuyên cấp từ đầu năm: 614.778.354 đồng; từ năm 2019 chuyển qua: 3.721.302 đồng).

## 1.2. Kết quả kiểm tra:

**a) Ưu điểm:** Qua kiểm tra sổ sách chứng từ kế toán, báo cáo tài chính của các năm 2018, 2019 và 2020 và xác minh thực tế với các viên chức, nhân viên và người lao động tại đơn vị nhận thấy, đơn vị đã mở sổ theo dõi và ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán tài chính các năm theo quy định. Về công tác chi ngân sách đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ giảng dạy và học tập, việc cân đối nguồn chi đã góp phần đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của nhà trường. Chi các khoản lương, phụ cấp và các chế độ chính sách kịp thời đến viên chức, nhân viên và người lao động của nhà trường. Các khoản thu, chi ngoài ngân sách được thực hiện cơ bản công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong tập thể tại đơn vị. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng cơ bản đầy đủ dựa trên các tiêu chuẩn, định mức do pháp luật quy định.

**b) Tồn tại, hạn chế:** Qua kiểm tra việc thực hiện nguồn ngân sách nhà nước cấp phục vụ công tác chi thường xuyên tại đơn vị còn một số tồn tại, hạn chế như: Hồ sơ, chứng từ một số nội dung chi chưa đảm bảo theo quy định, không có phiếu nhập xuất kho văn phòng phẩm, vật tư đã mua sắm thiếu phiếu đề xuất của bộ phận quản lý, sử dụng; Hồ sơ thanh toán tàu xe phép cho giáo viên không đảm bảo theo quy định; chuyển thanh toán tiền phô tô tài liệu không có số lượng tài liệu cần phô tô, cụ thể như sau:

+ Giấy rút dự toán số 06, ngày 5/02/2018, chuyển tiền hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2018 cho viên chức, nhân viên và người lao động số tiền 5.100.000 đồng không đúng theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính.

+ Giấy rút dự toán số 28, ngày 02/5/2018, chuyển tiền hỗ trợ ngày lễ 30/4, 01/5 cho viên chức, nhân viên và người lao động số tiền 5.100.000 đồng, không đúng theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính.

+ Giấy rút dự toán số 36, ngày 07/5/2018 (Hóa đơn số 0072482, 03/5/2018), chuyển tiền mua dụng cụ, vật tư sửa chữa đường dây điện, đường ống nước số tiền 3.924.000 đồng, đơn vị không có phiếu đề xuất, biên bản đánh giá hiện trạng, hợp đồng giao khoán để làm cơ sở sửa chữa, thay thế, biên bản bàn giao cho bộ phận quản lý.

+ Giấy rút dự toán số 96, ngày 27/12/2018, chuyển tiền hỗ trợ ngày Nhà giáo VN 20/11 cho viên chức, nhân viên và người lao động số tiền 5.400.000 đồng không đúng quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính.

+ Giấy rút dự toán số 07, ngày 22/1/2019 (Hóa đơn bán hàng số 0085107, ngày 15/1/2019), Chuyển tiền mua trà nước, bánh kẹo tết số tiền 3.930.000 đồng,



hóa đơn và hợp đồng mua bán không thể hiện chủng loại, số lượng của mặt hàng, đơn vị không có phiếu nhập xuất kho theo quy định.

+ Giấy rút dự toán số 09, ngày 22/1/2019 (*Hóa đơn bán hàng số 0072719, ngày 22/1/2019*), Chuyển thanh toán tiền làm bảng hiệu, khung sắt số tiền 7.120.000 đồng. Hợp đồng mua bán không thể hiện rõ ràng, vật liệu làm khung không có chủng loại, kích thước (*04 bảng, 04 phông bạt*).

+ Giấy rút dự toán số 25, ngày 08/5/2019 (*Hóa đơn bán hàng số 0023010, ngày 25/4/2019*), Chi hỗ trợ công đoàn tổ chức ngày 8/3 số tiền 3.075.000 đồng không đúng theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính.

+ Giấy rút dự toán số 75, ngày 03/9/2019, Thanh toán tiền tàu xe phép cho giáo viên không đúng quy định số tiền là 440.000 đồng.

+ Giấy rút dự toán số 105, ngày 23/12/2019 (*Hóa đơn bán hàng số 0003787, ngày 20/12/2019*), không có phiếu nhập xuất kho văn phòng phẩm, không có số lượng tài liệu cần phô tô. Sai phạm quy thành tiền là 3.000.000 đồng.

+ Giấy rút dự toán số 07 ngày 13/01/2020 (*Hóa đơn bán hàng số 0042431 ngày 13/1/2020*), Chuyển tiền mua trà nước quý I/2020 và mua vật dụng dùng trong văn phòng số tiền 3.784.000 đồng, không có phiếu nhập xuất kho (*nước đóng bình, trà, giấy vệ sinh, nước lau sàn, nước rửa ly*).

+ Giấy rút dự toán số 52 ngày 10/6/2020 (*Hóa đơn bán hàng số 0052088, ngày 08/6/2020*), chuyển mua vật tư dùng cho văn phòng và mua vật tư dùng cho các lớp học số tiền 6.486.000 đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng không có ngày tháng theo quy định.

+ Giấy rút dự toán số 65 ngày 22/7/2020 (*Hóa đơn bán hàng số 0081949, ngày 07/07/2020*), chuyển tiền mua văn phòng phẩm, cờ chuối, cờ đuôi nheo, phô tô tài liệu với tổng số tiền 5.954.000 đồng (*trong đó, tiền phô tô tài liệu là 800.000 đồng*), hồ sơ không có giấy đề xuất của bộ phận chuyên môn, không có số lượng tài liệu cần phô tô. Số tiền sai phạm là 800.000 đồng.

**2. Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP, ngày 05/01/2018 của Chính phủ; Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Hỗ trợ đồ dùng học tập đối với người khuyết tật tại Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 31/12/2013.**

### **2.1. Thực hiện tại đơn vị.**

2.1.1. Năm 2018: Tổng số kinh phí đã giao để chi chế độ cho học sinh và giáo viên: 436.150.000 đồng, trong đó: Nguồn 12: 308.000.000 đồng; Nguồn 15: 128.150.000 đồng. Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 395.428.500 đồng (*nguồn 12: 308.000.000 đồng, nguồn 15: 87.428.500 đồng*). Còn lại: 40.721.500 đồng (*nguồn 15*), cụ thể:



a) Hỗ trợ chi phí học tập: 52.700.000 đồng (nguồn 12: 29.000.000 đồng; Nguồn 15: 22.900.000 đồng), trong đó: Học kỳ II của năm học 2017 – 2018: gồm có 58 cháu x 05 tháng x 100.000 đồng = 29.900.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2018 – 2019: gồm có 57 cháu x 04 tháng x 100.000 đồng + (01 cháu x 01 tháng x 100.000 đồng) = 22.900.000 đồng

b) Hỗ trợ tiền ăn trưa: 278.114.000 đồng (nguồn 12: 270.000.000 đồng; nguồn 15: 8.114.000 đồng), trong đó: Học kỳ II của năm học 2017 – 2018: Gồm có 243 cháu x 02 tháng x 120.000 đồng = 58.320.000 đồng; Gồm có 240 cháu x 03 tháng x (1.300.000 đồng x 10%) + 02 cháu x 01 tháng x (1.300.000 đồng x 10%) = 93.860.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2018 – 2019: Gồm có 226 cháu x 04 tháng x (1.390.000 đồng x 10%) + 01 cháu x 02 tháng x (1.390.000 đồng x 10%) = 125.934.000 đồng.

c) Miễn giảm, cấp bù học phí: 42.482.500 đồng (nguồn 12: 0 đồng; nguồn 15: 42.482.500 đồng), trong đó: Học kỳ II của năm học 2017 – 2018, gồm có: (122 cháu được miễn học phí x 25.000 đồng) x 5 tháng + 107 cháu được giảm học phí x (25.000 đồng x 70%) x 5 tháng = 24.612.500 đồng; Học kỳ I của năm học 2018 – 2019, gồm có: (101 cháu được miễn học phí x 25.000 đồng) x 04 tháng + 111 cháu được giảm học phí x (25.000 đồng x 70%) x 04 tháng = 17.870.000 đồng.

d) Chi cho GV dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng việt theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP: 6.300.000 đồng (nguồn 15), gồm có: 02 giáo viên x 450.000 đồng x 07 tháng = 6.300.000 đồng

e) Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng HS DTTS: 16.632.000 đồng (nguồn 12: 9.000.000 đồng; nguồn 15: 7.632.000 đồng), trong đó: Học kỳ I của năm học 2017- 2018: 9.000.000 đồng; Học kỳ II của năm học 2018 – 2019: 7.632.000 đồng.

2.1.2. Năm 2019: Tổng số kinh phí đã giao để chi chế độ cho học sinh và giáo viên: 430.576.000 đồng (Dư nguồn 15 năm trước chuyển qua nguồn 12 năm 2019: 40.721.500 đồng; Nguồn 12: 389.854.500 đồng). Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 410.244.500 đồng. Kinh phí còn lại: 20.331.500 đồng (nguồn 12), cụ thể:

a) Hỗ trợ chi phí học tập: 42.000.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2018 – 2019: gồm có 44 cháu x 05 tháng x 100.000 đồng = 22.000.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2019 – 2020: gồm có 50 cháu x 04 tháng x 100.000 đồng = 20.000.000 đồng

b) Hỗ trợ tiền ăn trưa: 304.431.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2018–2019: gồm có 226 cháu x 05 tháng x (1.390.000 đồng x 10%) = 157.070.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2019–2020: gồm có 247 cháu x 04 tháng x (1.490.000 đồng x 10%) + 01 cháu x 01 tháng x (1.490.000 đồng x 10%) = 147.361.000 đồng.

c) Miễn giảm, cấp bù học phí: 41.547.500 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2018 – 2019: gồm có (91 cháu được miễn học phí x 25.000 đồng x 05 tháng) + (119 cháu được giảm học phí x 25.000 đồng x 70% x 05 tháng) = 21.787.500 đồng; Học kỳ I của năm học 2019 – 2020: gồm có (122 cháu được



miễn học phí x 25.000 đồng x 04 tháng) + (108 cháu được giảm học phí x 25.000 đồng x 70% x 4 tháng) = 19.760.000 đồng

d) Chi cho giáo viên dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng việt theo ND 06/2018/NĐ-CP: 13.950.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2018 – 2019 gồm có 02 giáo viên x 450.000 đồng x 05 tháng = 4.500.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2019 – 2020 gồm có (05 giáo viên x 450.000 đồng x 04 tháng) + (01 giáo viên x 450.000 đồng x 01 tháng) = 9.450.000 đồng

e) Kinh phí thực hiện đề án nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số: 8.316.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2018- 2019: 8.316.000 đồng.

2.1.3. Năm 2020: Tổng số kinh phí đã giao để chi chế độ cho học sinh và giáo viên (Nguồn 12): 780.414.000 đồng. Tổng số kinh phí đã thực hiện chi: 559.899.333 đồng. Nguồn kinh phí còn lại: 220.514.667 đồng (PTC tự hủy), cụ thể:

a) Hỗ trợ chi phí học tập: 53.200.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2019–2020: gồm có 48 cháu x 04 tháng x 100.000 đồng = 19.200.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2020–2021: gồm có 85 cháu x 04 tháng x 100.000 đồng = 34.000.000 đồng

b) Hỗ trợ tiền ăn trưa: 389.512.000 đồng, Học kỳ II của năm học 2019-2020: gồm có 244 cháu x 04 tháng x (1.490.000 đồng x 10%) + 02 cháu x 01 tháng x (1.490.000 đồng x 10%) + 01 cháu x 02 tháng x (1.490.000 đồng x 10%) = 146.020.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2020 – 2021: gồm có:

+ 394 cháu x 02 tháng x (1.490.000 x 10%) đồng = 117.412.000 đồng;

+ 394 cháu x 02 tháng x 160.000 đồng = 126.080.000 đồng

c) Miễn giảm, cấp bù học phí: 51.950.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2019 – 2020: gồm có (121 học sinh được miễn học phí x 25.000 đồng x 04 tháng) + (02 học sinh được miễn học phí x 25.000 đồng x 01 tháng) + (107 học sinh được giảm học phí x 25.000 đồng x 70% x 04 tháng) = 19.640.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2021 – 2021: gồm có (174 học sinh được miễn học phí x 25.000 đồng x 04 tháng) + (213 cháu được giảm học phí x 25.000 đồng x 70% x 04 tháng) = 32.310.000 đồng.

d) Chế độ dành cho học sinh khuyết tật: 14.837.333 đồng, trong đó: Năm học 2019–2020 và Học kỳ I của năm học 2020–2021: 14.837.333 đồng (hỗ trợ 01 học sinh khuyết tật).

e) Chi cho giáo viên dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng việt theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP với số tiền là 50.400.000 đồng, trong đó: Học kỳ II của năm học 2019–2020: gồm có 06 giáo viên x 450.000 đồng x 04 tháng = 10.800.000 đồng; Học kỳ I của năm học 2020–2021: gồm có 22 giáo viên x 450.000 đồng x 04 tháng = 39.600.000 đồng.

## 2.2. Kết quả kiểm tra

a) Ưu điểm: Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách chứng từ liên quan và kiểm tra, xác minh thực tế đến việc hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách



đối với giáo viên mầm non theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP, ngày 05/01/2018 của Chính phủ; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ; hỗ trợ đồ dung học tập đối với người khuyết tật tại Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật nhận thấy đơn vị đã chi trả chế độ cho các em học sinh là đối tượng được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời. Việc chi trả nguồn kinh phí có sự chứng kiến của chính quyền địa phương đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong việc thực hiện chi trả nguồn kinh phí.

**b) Tồn tại, hạn chế:** Việc nhà trường thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo được quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 31/12/2013 từ nguồn kinh phí của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ là không đúng quy định, cụ thể: Học sinh mẫu giáo Y Huyền (mẹ là Y Đẹp) là người khuyết tật thuộc hộ nghèo (thuộc đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 31/12/2013) được Trường Mầm non Đăk Trăm được nhà trường chi trả tiền theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ từ học kỳ I đến học kỳ II. Như vậy, số tiền chênh lệch của đối tượng được thụ hưởng chưa được nhận là 112.000 đồng.

Qua làm việc trực tiếp và báo cáo giải trình của đơn vị xác nhận: Do nhà trường nhầm lẫn trong quá trình xác định đối tượng được thụ hưởng, vì vậy dẫn đến việc hỗ trợ kinh phí cho học sinh khuyết tật không đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, sau khi xác định lại đúng đối tượng được thụ hưởng, nhà trường đã tổ chức thực hiện chi trả số tiền chênh lệch trên cho học sinh khuyết tật đầy đủ, kịp thời.

\* Trách nhiệm của những tồn tại, khuyết điểm nêu trên thuộc về Hiệu trưởng và kế toán đơn vị.

**3. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công:** Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ liên quan và kiểm tra trực tiếp việc quản lý quản lý, sử dụng tài sản công các năm 2018, 2019 và 2020 nhận thấy, nhà trường đã mở sổ theo dõi công cụ dụng cụ, tài sản cố định các năm theo quy định; đơn vị đã kịp thời xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định 151/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc mua sắm, sửa chữa tài sản, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản công được đơn vị quản lý cập nhật thường xuyên qua hệ thống phần mềm kế toán đảm bảo chặt chẽ, dễ dàng trong việc theo dõi...

### III. KẾT LUẬN.

#### 1. Ưu điểm:

- Đối với nguồn ngân sách chi thường xuyên: Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán cập nhật đầy đủ, sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đã thể hiện được các nghiệp vụ tài chính phát sinh tại đơn vị. Việc chi lương và các khoản phụ cấp, hỗ trợ trong các ngày lễ, Tết cho viên chức, nhân viên và người lao động kịp thời.



- Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP, ngày 05/01/2018 của Chính phủ; Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Hỗ trợ đồ dung học tập đối với người khuyết tật tại Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật cho các học sinh đang theo học tại trường đảm bảo đúng đối tượng, đúng định mức quy định, góp phần giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học; chất lượng dạy và học được cải thiện đáng kể, được sự ủng hộ, đồng tình của chính quyền và nhân dân trên địa bàn xã.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản cố định, công cụ, dụng cụ tại đơn vị đầy đủ, phát huy được hiệu quả sử dụng và được đưa vào sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ theo quy định.

## 2. Tồn tại, khuyết điểm:

- Một số chứng từ liên quan công tác thu, chi thường xuyên của nhà trường còn thiếu sót, chi tàu xe phép hàng năm cho giáo viên không đúng thực tế; việc chuyển tiền mua dụng cụ, vật tư sửa chữa đường dây điện, đường ống nước không có phiếu đề xuất, biên bản đánh giá hiện trạng, hợp đồng giao khoán để làm cơ sở sửa chữa, thay thế.

- Hồ sơ, chứng từ kế toán liên quan đến công tác hỗ trợ chế độ cho các em học sinh tại đơn vị sắp xếp chưa gọn gàng, ngăn nắp, thiếu khoa học; còn xác định sai đối tượng thụ hưởng chưa đúng theo quy định

**3. Nguyên nhân của các tồn tại, khuyết điểm:** Công tác cập nhật các văn bản quy định thực hiện nhiệm vụ chuyên môn chưa chặt chẽ, kịp thời, do đó dẫn đến thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến việc xác định đối tượng được thụ hưởng chế độ cho các em học sinh.

## VI. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ.

- Thu hồi số tiền sai phạm qua thanh tra là 8.164.000 đồng, nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm gửi của Thanh tra huyện Đắk Tô số 3949.1020.479 mở tại Kho bạc nhà nước huyện Đắk Tô (*biểu tổng hợp chi tiết kèm theo*).

- Yêu cầu Hiệu trưởng trường Mầm non Đắk Trăm thực hiện một số nội dung, như sau:

+ Khẩn trương cập nhật, bổ sung các văn bản, quy định của cấp có thẩm quyền trong Quy chế chi tiêu nội bộ để làm căn cứ, cơ sở pháp lý để xây dựng triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

+ Chỉ đạo kế toán thường xuyên theo dõi, bổ sung các phiếu nhập, xuất kho, phiếu giao nhận công cụ, dụng cụ đảm bảo theo quy định.

+ Xây dựng kế hoạch khắc phục khuyết điểm, tồn tại nêu trên, đồng thời gửi về Thanh tra huyện đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản

công trong các năm 2018, 2019 và 2020 tại trường Mầm non Đăk Trăm của Chánh Thanh tra huyện, yêu cầu Trường Mầm non Đăk Trăm nghiêm túc, thực hiện./..

**Nơi nhận:**

- Ban Nội chính tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Trường Mầm non Đăk Trăm;
- Lưu: HS-TTr. *W*

**CHÁNH THANH TRA** *Chy*



**Trần Dương Thanh**



**BIỂU TỔNG HỢP SAI PHẠM QUA CÔNG TÁC THANH TRA**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung sai phạm</b>	<b>Số tiền sai phạm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên tiền mua dụng cụ, vật tư sửa chữa đường dây điện, đường ống nước không có phiếu đề xuất, biên bản đánh giá hiện trạng, hợp đồng giao khoán để làm cơ sở sửa chữa, thay thế	3.924.000	
2	Hồ sơ thanh toán tiền tàu xe phép cho giáo viên không đúng thực tế	440.000	
3	Phô tô tài liệu không có số lượng tài liệu cần phô tô	3.800.000	
<b>Tổng</b>		<b>8.164.000</b>	